TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2023/HS-ST
Ngày: 20/2/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ thành phố B.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 2 năm 2023, tại trụ Tòa án nhân dân thành phố B đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/HSST ngày 13/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HS ngày 31/01/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn H**; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 7 năm 2004 tại Yên Bái;

Nơi cư trú: Không xác định. (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: không; Họ và tên cha: Trần Văn T, sinh năm 1982 (còn sống); Họ và tên mẹ: Lê Thị X, sinh năm 1982 (còn sống);

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình và chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 10 năm 2022, sau đó chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B theo Lệnh tạm giam số 1383/LTG-VKSBH ngày 24/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

2. Họ và tên: **Trần Văn T**; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: không; Sinh ngày 18 tháng 8 năm 2002 tại Nghệ An;

Nơi cư trú: Không xác định. (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm G, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An);

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Họ và tên cha: Trần Văn

Ý, sinh năm 1980 (còn sống); Họ và tên mẹ: Đặng Thị N, sinh năm 1984 (còn sống); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 02 tháng 3 năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 13/2021/HS-ST; (chưa xóa án tích)

Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 10 năm 2022, sau đó chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B theo Lệnh tạm giam số 1384/LTG-VKSBH ngày 24/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Bị hại: Cháu Lê Tấn P, sinh ngày 27/2/2006; Hộ khẩu thường trú: ấp 7, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay : Tổ 1, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: ấp 7, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay : Tổ 1, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bị cáo có mặt; cháu P vắng mặt; bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H và Trần Văn T là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội và không có nghề nghiệp. Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2022, H và T đi bộ tới tiệm internet "Tân Hoàng Đế II" tại địa chỉ 17A, tổ 13, khu phố 3, phường A, thành phố B (sau đây viết tắt là tiệm Nét) để chơi game. Tại đây, khi T đang ngồi chơi game thì H đi vệ sinh và phát hiện 01 xe mô tô biển số 60Y4-2973 của Lê Tấn P (sinh năm 2006, ngụ tại ấp 7, xã X, huyện X, Đồng Nai) đang dựng tại khu vực để xe của tiệm Nét, trên xe cắm sẵn chìa khóa nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp và rút chìa khóa xe bỏ vào túi quần. Sau đó, H đi vào trong nói sự việc cho T biết và rủ T cùng trộm cắp chiếc xe trên thì T đồng ý. Thực hiện ý định trên, H lén lút đi ra ngoài dùng chìa khóa mở ổ khóa và nổ máy điều khiển chiếc xe mô tô trên chạy ra ngoài, còn T giả vờ mua bánh và nước tại khu vực chủ tiệm Nét ngồi. Khi thấy H đã chạy xe ra ngoài thì T cũng đi ra ngoài để cùng H tẩu thoát nhưng thấy xe bị tắt máy, sợ bị phát hiện nên T giả vờ đi quay vào trong tiệm Nét tiếp tục ngồi chơi. Lúc này, bà Phan Thị P (sinh năm 1973, ngụ tại xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An) là nhân viên tiệm Nét nhìn thấy H điều khiển xe đi ra nên đã hỏi những người trong tiệm Nét chiếc xe trên của ai thì anh P mới biết được chiếc xe của mình bị mất nên đã cùng một số người trong tiệm chạy ra bắt được H, đồng thời giữ T lại, giao cho Công an phường A lập biên

bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra xử lý.

**Vật chứng vụ án*:

- 01 chiếc xe môtô biển số 60Y4-2973, thu giữ của bị cáo H, là tài sản của anh Lê Tấn P bị trộm cắp, đã được Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh P.

- 01 USB chứa đoạn video camera ghi lại hình ảnh của các bị cáo H và T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1800/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: "01 chiếc xe môtô biển số 60Y4-2973 trị giá là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)".

Tại bản cáo trạng số 39/CT/VKS-BH ngày 12/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần Văn H và đồng phạm về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm (quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự); bị can H không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự);

+ Riêng bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự),

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên phạt bị cáo Trần Văn H mức án từ: 10 tháng đến 12 tháng tù giam. Bị cáo Trần Văn T mức án từ: 12 tháng đến 14 tháng tù giam.

Về dân sự: Bị hại trong vụ án không có yêu cầu bồi thường.

Bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi pham tội và thống nhất với nội dung truy tố của bản cáo trạng, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là hành vi trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai bị hại, người làm chứng có tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, các bị cáo khai nhận vào khoảng 13 giờ 00 ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại tiệm internet "Tân Hoàng Đế II" địa chỉ 17A, tổ 13, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trần Văn H và Trần Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 60Y4-2973, trị giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của anh Lê Tấn P thì bị phát hiện bắt quả tang, khởi tố điều tra xử lý.

Lời khai nhận này của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Văn T phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như nội dung cáo trạng đã truy tố và bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa ngày hôm nay.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Bản thân bị cáo Hoàng, bị cáo T là người đã trưởng thành, có nhận thức, có đủ sức khỏe để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải bỏ sức lao động, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, cần thiết xử phạt các bị cáo một mức án đủ nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ*: bị cáo H xét về nhân thân phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng; riêng bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm (quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

Vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định bị cáo H là người rủ rê bị cáo T tham gia vào việc trộm tài sản và người trực tiếp lấy trộm chiếc xe nên bị cáo H đóng vai trò chính trong vụ án. Bị cáo T chỉ đóng vai trò giúp sức, tuy nhiên bị cáo T từng bị kết án, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm", thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, bị cáo T phải chịu mức cao hơn so với bị cáo H.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án không có yêu cầu bồi thường nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: **bị cáo Trần Văn T 12 tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2022.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: **bị cáo Trần Văn H 10 tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2022.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH; (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhạn **Nguyễn Thái Hoà** **Đồng Thị Hồng**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ….. giờ …. ngày 11 tháng 7 năm 2018;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Trung Diễn và bà Trương Thị Thìn

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 06 năm 2018 đối với:

Các bị cáo:

- Thạch Thương (tên gọi khác……); sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp Vinh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Phan Trí Hải (tên gọi khác……..); sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp Long Đức 3, xã Tam Phước; thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thạch Thương và Phan Trí Hải phạm tội "Cướp giật tài sản".

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2 Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thạch Thương: ……tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Xử phạt bị cáo Phan Trí Hải: ……tù. Thời hạn từ tính từ ngày 26/01/2018.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Ngọc Linh xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô Yamaha biển số 60U7-4138, được hai bị cáo Thương và Hải sử dụng đi cướp giật tài sản, Hải khai mượn của một người tên Tuấn (chưa rõ lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa rõ chủ sỡ hữu, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi ……. giờ……. phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Công an TP.Biên Hòa (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- NLQ (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đồng Thị Hồng

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:11/2018/HSST-QĐ	*Biên Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[(4)]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trần Văn Chánh và bà Nguyễn Thị Nhạn

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy:

- Tại phiên tòa, người bị hại Bùi Quốc Tuấn và người làm chứng Phạm quốc Cường đều khai khi quay lại hiện trường để gây án bị cáo không đi một mình mà đi cùng hai người khác trên 1 chiếc xe máy. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra. Mặt khác anh Tuấn và anh Cường cũng như bị cáo đều xác định quá trình điều tra chưa được đối chất với nhau.

- Chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiên gây án bị cáo khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đã bán. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ thời điểm bán, khu vực bán và người mua cũng như khả năng thu hồi tài sản này cũng như biện pháp xử lý vật chứng. Lý do tại sao có sự chênh lệch lớn giữa giá bán và giá mua. Có hay không việc bị cáo cố ý tẩu tán tài sản. Do đó, cần trả hồ sơ để làm rõ.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn Phú (**Tên gọi khác: Hiền); Sinh năm 1989;

Bị truy tố về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Điều tra xác minh, cho đối chất giữa bị hại, những người làm chứng và bị cáo nhằm làm rõ trong vụ án có đồng phạm hay không?

2. Xác minh làm rõ cũng như có biện pháp xử lý cụ thể đối với chiếc xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKS TP.Biên Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA